

Bản án số: 662/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Thái Thục Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 889/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2023 về việc: “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 159/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 3 N, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Quốc H, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: 3 N, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 06/10/2023, biên bản tự khai ngày 06/12/2023, các biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 21/6/2024 và ngày 03/7/2024, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà N và ông Phạm Quốc H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về tình cảm không hoà hợp, cách sống khác biệt. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn để duy trì hạnh phúc. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Quốc H.

Về con chung: Có 02 con chung tên **Phạm Nguyễn Thúy O**, sinh ngày: 22/9/2004 (đã trưởng thành) và **Phạm Nguyễn Nhã U**, sinh ngày: 25/12/2013. Sau khi ly hôn bà **Nguyễn Thị Kim N** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **U**. Bà **N** không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng nuôi cháu **U**.

Về tài sản chung: Bà **N** xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà **N** tự khai vợ chồng không thiếu nợ gì của ai.

Bị đơn: Ông **Phạm Quốc H** đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên Toà án không thu được lời khai và không hoà giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 – Bà **Trần Thị Nga** phát biểu: Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn. Vợ chồng bà **N**, ông **H** có 02 con chung tên **Phạm Nguyễn Thúy O**, sinh ngày: 22/9/2004 (đã trưởng thành) và **Phạm Nguyễn Nhã U**, sinh ngày: 25/12/2013. Sau khi ly hôn giao cháu **U** cho bà **N** trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi cháu **U** cho ông **H** cho đến khi bà **N** có yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: không có. Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn bà **N** phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà **Nguyễn Thị Kim N** có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với ông **Phạm Quốc H** nên đây là tranh chấp hôn nhân gia đình, do bị đơn có nơi cư trú tại **Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh**. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập ông **Phạm Quốc H** nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông **H** đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông **H** đều vắng mặt tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ngày 29/7/2024 bà **Nguyễn Thị Kim N** có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa bà và ông **Phạm Quốc H**. Do bà **N** ở xa, không tiện đi lại nên không thể đến tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả nhưng người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kim N và ông Phạm Quốc H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 18/02/2004 tại Ủy ban nhân dân Phường I, Quận H. Nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nay bà N yêu cầu được ly hôn là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết vì phù hợp với khoản 1 Điều 51 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2023, biên bản tự khai ngày 06/12/2023, bà N yêu cầu được ly hôn với ông H. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn gia đình phát sinh là vợ chồng tình cảm không hoà hợp, lối sống khác biệt nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, hòa giải được. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa hòa giải nhưng ông H vẫn cố tình không đến Tòa để hòa giải, chứng tỏ ông H không còn tha thiết muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với bà N, vì vậy yêu cầu của bà N là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Phạm Quốc H có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Thúy O, sinh ngày: 22/9/2004 (đã trưởng thành) và Phạm Nguyễn Nhã U, sinh ngày: 25/12/2013. Đồng thời tại bản tự khai ngày 22/12/2023 cháu U cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ là bà N. Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo lợi ích, điều kiện sống và nguyện vọng của con chung, xét việc bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu U, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con không trái pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên có căn cứ cần chấp nhận.

Ông Phạm Quốc H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, hoặc những người theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét về tài sản chung: Bà N tự khai tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Về nợ chung: Bà N tự khai xác nhận vợ chồng không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí ngày và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Ông **Phạm Quốc H** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 171, 172, 173, 174, 177, 179, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

1. Tuyên xử vắng mặt đối với bị đơn ông **Phạm Quốc H**.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim N** ly hôn ông **Phạm Quốc H**.

Về con chung: Có 02 con chung tên **Phạm Nguyễn Thúy O**, sinh ngày: 22/9/2004 (đã trưởng thành) và **Phạm Nguyễn Nhã U**, sinh ngày: 25/12/2013, giao cháu **U** cho bà **Nguyễn Thị Kim N** trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông **Phạm Quốc H** cho đến khi bà **N** có yêu cầu.

Ông **Phạm Quốc H** được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, hoặc những người theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà **N** tự khai tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Về nợ chung: Bà **N** tự khai xác định vợ chồng không thiếu nợ ai nên tòa không xem xét.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng bà **Nguyễn Thị Kim N** phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0036267 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà **Nguyễn Thị Kim N** đã nộp đủ án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân TP Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THA DS Q8;
- UBND Phường 9, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Thị Thúy Minh